

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 320/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; *nơi cư trú:* Số A, đường B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Trần Khánh T, sinh năm 1996; *nơi cư trú:* Số D, đường số E, thôn F, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh T (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/8/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Trần Khánh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC (nay là xã NC),

huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường hay xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Do chung sống không hạnh phúc nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Khánh T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều lập ngày 10/8/2022 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Khánh T trình bày: Anh và chị Đoàn Thị Mỹ L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã ĐC (nay là xã NC), huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 đến 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và về cách nuôi dạy con; chị L có mối quan hệ với một người đàn ông khác, thường hay đi làm về trễ. Anh đã nhiều lần khuyên bảo để chị L thay đổi, nhưng chị L không nghe, chính vì vậy giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L, anh đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của chị L.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên anh không thể tham gia tố tụng được, anh T đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Trần Khánh T không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Năm 2017, chị Đoàn Thị Mỹ L kết hôn với anh Trần Khánh T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC (nay là xã NC). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Anh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị L. Xét thấy anh chị không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Khánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 10/8/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2017 ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã ĐC (nay là xã NC), huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Mỹ L và anh Trần Khánh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh T không tin tưởng sự chung thủy của chị L. Trong khoảng thời gian sống ly thân giữa anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn

nhau. Nay chị L và anh T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Mỹ L ly hôn anh Trần Khánh T.

2/ Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

3/ Về án phí: Chị Đoàn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012293 ngày 28/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- UBND xã NC,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận